

Số: **479** /CT-TCHQ

Hà Nội, ngày **06** tháng 02 năm 2023

CHỈ THỊ

Về việc thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo thuận lợi thương mại, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chống thất thu trong triển khai nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2023

Năm 2022, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tăng trưởng thấp, cạnh tranh chính trị, xung đột vũ trang, thiên tai, dịch bệnh..., đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Trước tình hình đó, với quyết tâm duy trì sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai có hiệu quả các Nghị quyết về điều hành kinh tế vĩ mô, đặc biệt là Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội, Nghị quyết số 43/2022/NQ-QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa; cùng với sự phối hợp của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp, sự quyết tâm, nỗ lực của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan, thu ngân sách nhà nước của ngành Hải quan năm 2022 vượt dự toán và chỉ tiêu phấn đấu được Quốc hội và Bộ Tài chính giao.

Năm 2023, Tổng cục Hải quan được Quốc hội giao dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 là 425.000 tỷ đồng. Dự toán thu NSNN năm 2023 được xây dựng trên cơ sở dự kiến các chỉ tiêu kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng GDP 6-6,5%; giá dầu thô 70\$/thùng; kim ngạch xuất khẩu tăng từ 8-9%; kim ngạch nhập khẩu tăng từ 7-8%.

Căn cứ Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán thu NSNN năm 2023, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị thuộc và trực thuộc tập trung nguồn lực triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm các nhiệm vụ cơ bản sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Quán triệt, triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và

cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Nghị quyết số 05-NQ/BCSD ngày 12/01/2023 của Ban cán sự đảng Bộ Tài chính về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2023; Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan với phương châm "*Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả*"; Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa công tác hải quan, tạo thuận lợi thương mại và các hoạt động xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian, chi phí thông quan hàng hóa.

Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan quán triệt đến toàn thể cán bộ công chức nâng cao nhận thức, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác cải cách, hiện đại hóa gắn liền với nâng cao hiệu quả của công tác quản lý trong quá trình thực thi công vụ; Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2030, hướng tới mục tiêu tổng quát là xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm Hải quan các nước phát triển, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số, với mô hình hải quan thông minh.

2. Tập trung nguồn lực cải cách thể chế pháp luật về hải quan theo hướng hiện đại, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, phù hợp với các cam kết quốc tế và định hướng phát triển Hải quan. Triển khai các đề án, chương trình công tác trọng tâm năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định số 94/QĐ-TCHQ ngày 18/01/2023 đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng, đặc biệt là các đề án xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo đúng trình tự, thủ tục, là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng, triển khai Hải quan số, Hải quan thông minh và cải cách hành chính trong lĩnh vực Hải quan, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hải quan. Trình cấp có thẩm quyền ban hành: Nghị định quy định về cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu; Nghị định quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua biên giới; Nghị định quy định thực hiện kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hàng hóa, người và phương tiện vận tải theo cơ chế một cửa quốc gia; Quyết định thay thế Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC; Thông tư thay thế các Thông tư 38/2018/TT-BTC, Thông tư số 62/2019/TT-BTC và Thông tư số 47/2020/TT-BTC; Thông tư sửa đổi Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019...

3. Tiếp tục triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN; Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành đẩy nhanh tiến độ xây dựng và triển khai Đề án tổng thể về xây dựng và phát triển Hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN theo hướng xử lý tập trung.

Đẩy mạnh và tạo sự chuyên biến căn bản trong công tác chuyển đổi số ngành Hải quan với trọng tâm là triển khai Hệ thống CNTT thực hiện Hải quan số, trong đó ưu tiên khẩn trương triển khai Hệ thống CNTT phục vụ các hoạt động nghiệp vụ hải quan giai đoạn trong thông quan. Hệ thống có khả năng mở rộng và tích hợp với các hệ thống CNTT hiện tại trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới về công nghệ, phù hợp với chuẩn mực quốc tế, đáp ứng yêu cầu quản trị thông minh; hướng tới quản lý doanh nghiệp, hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh toàn diện từ khâu đầu đến khâu cuối; có khả năng tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin với các Bộ, ngành, doanh nghiệp thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và sẵn sàng trao đổi dữ liệu hải quan với các nước trong khu vực và trên thế giới, xây dựng Hải quan Việt Nam thành Hải quan số.

4. Tăng cường chống thất thu qua công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hải quan, quản lý thuế, kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; chủ động rà soát, phân loại, thu hồi và xử lý nợ thuế phát sinh trước ngày 01/01/2023 đồng thời không để phát sinh nợ mới trong năm 2023 qua công tác thanh tra, kiểm tra... theo đó, tập trung nguồn lực triển khai đồng bộ các giải pháp cụ thể sau đây:

4.1. Về số lượng, trọng lượng, chủng loại, tên hàng hoá: Căn cứ tình hình hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thực tế từng thời điểm và chính sách quản lý (hàng hoá nhập khẩu có điều kiện về đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh thực phẩm, dược phẩm, thuốc chữa bệnh...), chính sách thuế (hàng có thuế suất cao, hàng dễ nhầm lẫn về mã HS, hàng hoá thuộc các đối tượng được hưởng ưu đãi thuế) để xác định các nhóm hàng, mặt hàng trọng điểm có rủi ro cao trong khai báo về số lượng, trọng lượng, chủng loại, tên hàng hoá và đưa những doanh nghiệp có rủi ro cao trong hoạt động xuất nhập khẩu vào luồng vàng, luồng đỏ để thực hiện kiểm tra tại khâu thông quan nhằm ngăn chặn tình trạng khai báo sai số lượng, trọng lượng, chủng loại và tên hàng với mục đích gian lận, trốn thuế; Tăng cường sử dụng máy soi, chiếu để phát hiện bước đầu các nghi vấn. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý hàng bách hoá nhập khẩu theo

đúng chỉ đạo tại công văn số 119/TCHQ-GSQL ngày 11/01/2021 về nâng cao hiệu lực kiểm tra, kiểm soát hải quan;

4.2. Về trị giá hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu: Thực hiện đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ theo quy định để tăng cường công tác quản lý trị giá hải quan cả trong thông quan và sau thông quan; ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp kê khai trị giá hải quan bất hợp lý để gian lận, trốn thuế; trong đó tập trung quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu có thuế suất cao như hàng hóa là tài nguyên, khoáng sản thô, phế liệu kim loại; hàng hóa nhập khẩu là hàng tiêu dùng có thuế suất nhập khẩu cao, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc tự vệ, thuế chống bán phá giá...;

4.3. Về phân loại hàng hoá, áp dụng mã số và mức thuế: Thường xuyên rà soát để kịp thời phát hiện và xử lý đối với các trường hợp cùng một mặt hàng nhưng kết quả phân tích, phân loại không thống nhất trong phạm vi Chi cục, Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Cục Kiểm định Hải quan;

4.4. Về xuất xứ hàng hoá: tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chống gian lận, giả mạo xuất xứ; chuyển tải bất hợp pháp để tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại hợp pháp, trong đó tập trung triển khai các nội dung liên quan đến mặt hàng xuất khẩu/nhập khẩu hoặc thị trường cụ thể và ban hành các văn bản chỉ đạo (nếu cần thiết) về đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả chống gian lận thương mại, giả mạo xuất xứ; ghi nhãn, chuyển tải bất hợp pháp, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

4.5. Về thực hiện miễn/giảm/hoàn thuế/ưu đãi thuế: Thực hiện rà soát, đánh giá mức độ rủi ro và tổ chức kiểm tra các trường hợp miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, không chịu thuế đối với các doanh nghiệp chế xuất, gia công, sản xuất xuất khẩu và các doanh nghiệp thuộc đối tượng miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, không chịu thuế khác trên cơ sở đối chiếu hồ sơ miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, không chịu thuế với các quy định của pháp luật;

4.6. Về nợ thuế: Thực hiện rà soát, phân loại, thu hồi và xử lý các khoản nợ thuế phát sinh trước ngày 01/01/2023 theo 04 nhóm: (i) nhóm nợ khó thu; (ii) nhóm nợ chờ xử lý; (iii) nhóm nợ được khoan; (iv) nhóm nợ có khả năng thu hồi, đồng thời áp dụng các giải pháp phù hợp theo quy định của pháp luật đối với từng nhóm nợ theo đúng hướng dẫn tại quy trình quản lý nợ thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo quyết định số 2317/QĐ-TCHQ ngày 24/10/2022 của Tổng cục Hải quan;

4.7. Về giám sát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải, tập trung triển khai:

a. Đối với hàng hóa gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài: Tổ chức thu thập thông tin, lập hồ sơ từng đối tượng doanh nghiệp, cập nhật đầy đủ thông tin lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; xây dựng cơ sở dữ liệu về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với các loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất; hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài; thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các loại hàng hóa này từ khi nhập khẩu, quá trình sản xuất đến khi xuất khẩu hoặc tiêu thụ nội địa từ đó xác định đối tượng trọng điểm, có rủi ro cao về gian lận thương mại để áp dụng các biện pháp kiểm tra, xác minh làm rõ hành vi vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật;

b. Đối với hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyên phát nhanh, dịch vụ Bru chính; hàng quá cảnh, hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan: Tổ chức thu thập thông tin, lập hồ sơ từng đối tượng doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyên phát nhanh, dịch vụ Bru chính; hàng quá cảnh, hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan để thực hiện giám sát hàng hóa đối với các loại hình này từ khi nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập - tái xuất để xác định đối tượng trọng điểm, có rủi ro cao về gian lận thương mại để áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát phù hợp;

c. Đối với hàng hóa, phương tiện vận tải đưa vào, đưa ra, lưu giữ tại khu vực cửa khẩu đường bộ, đường biển, đường hàng không, đường sắt, đường thủy nội địa: thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro với từng doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng; doanh nghiệp xuất nhập khẩu có liên quan trên cơ sở thường xuyên kiểm tra, giám sát, rà soát việc thực hiện thủ tục hải quan, việc cập nhật thông tin hàng hóa đưa vào, đưa ra khu vực giám sát hải quan theo quy định pháp luật hải quan nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời sơ hở lợi dụng buôn lậu, gian lận thương mại. Thường xuyên kiểm tra và xử lý hàng hóa tồn đọng trong địa bàn hải quan đặc biệt tại các đơn vị có lượng hàng tồn đọng lớn;

4.8. Về các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát: Triển khai quyết liệt, áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình thực tế hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu; tình hình buôn lậu và gian lận thương mại trong bối cảnh kiểm soát dịch bệnh của các cấp, các ngành trong đó tập trung kiểm soát chặt chẽ tại các tuyến đường, địa bàn, loại hình xuất khẩu, nhập khẩu; mặt hàng trọng điểm, trọng tâm vào các mặt hàng cấm, hàng có điều kiện, hàng thuế suất cao thuộc loại hình nhập kinh doanh hoặc các loại

hình xuất nhập khẩu được miễn thuế, ưu đãi thuế như: hàng gia công; sản xuất xuất khẩu; hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của khu phi thuế quan...;

4.9. Về kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ: căn cứ vào các giải pháp cụ thể từ điểm 4.1 đến 4.7 mục này để xây dựng kế hoạch kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ định kỳ hoặc đột xuất theo dấu hiệu và tổ chức thực hiện nhằm phát hiện, xử lý các hành vi gian lận thương mại, gây thất thu NSNN.

5. Thực hiện nghiêm các quy định về chính sách tài khóa và các kết luận, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm toán, Ủy ban kiểm tra Trung ương; tăng cường công tác kiểm tra nội bộ và tự kiểm tra nội bộ. Đồng thời yêu cầu các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện nghiêm túc Kế hoạch thanh tra chuyên ngành, kế hoạch kiểm tra nội bộ của Tổng cục Hải quan năm 2023 và coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành hải quan.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Trên cơ sở nhiệm vụ chung của toàn ngành, các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện nghiêm túc các giải pháp chống thất thu NSNN, cụ thể như sau:

1. Cục Thuế xuất nhập khẩu (TXNK):

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại Mục I tại Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

1.1. Theo dõi sát sao tình hình thu NSNN, các tác động ảnh hưởng đến thu NSNN như việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do, sự biến động của giá dầu, sự biến động của kim ngạch xuất nhập khẩu có thuế, các khó khăn, vướng mắc về chính sách thuế, các cam kết hội nhập quốc tế để kịp thời đề xuất, báo cáo Lãnh đạo Tổng cục, Lãnh đạo Bộ Tài chính;

1.2. Về công tác trị giá:

a. Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất rà soát, đề xuất xây dựng sửa đổi, bổ sung danh mục rủi ro (DMRR) về trị giá đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và mức giá tham chiếu kèm theo phù hợp với tình hình biến động giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b. Tập trung rà soát các tờ khai hải quan trên hệ thống GTT02 hoặc đề xuất ban hành văn bản để kịp thời chỉ đạo Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện đúng quy định về kiểm tra trị giá tránh trường hợp bỏ sót, bỏ lọt các lô hàng có mức giá khai báo thấp, bất hợp lý nhưng không được kiểm tra, tham vấn tại khâu thông quan hoặc khâu sau thông quan;

c. Rà soát, kiến nghị Tổng cục chỉ đạo lực lượng KTSTQ, thanh tra - kiểm tra, điều tra chống buôn lậu thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để xử lý đối với các trường hợp có dấu hiệu gian lận trị giá hải quan nhưng hàng hoá đã thông quan; chấn chỉnh kịp thời Cục Hải quan các tỉnh, thành phố chưa thực hiện đúng công tác quản lý trị giá;

1.3. Về công tác phân loại và áp dụng mức thuế:

a. Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất rà soát, đề xuất xây dựng sửa đổi, bổ sung Danh mục rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó tập trung đánh giá, phân tích và đưa vào danh mục những mặt hàng có rủi ro cao trong phân loại và xác định mã số;

b. Thực hiện kiểm tra, rà soát trên các hệ thống nghiệp vụ để kịp thời phát hiện các sai phạm, chỉ đạo Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Cục Kiểm định Hải quan thực hiện thống nhất công tác phân loại, xác định mã số và áp dụng mức thuế đảm bảo nguyên tắc một mặt hàng chỉ có một mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

c. Rà soát, kiến nghị Tổng cục chỉ đạo lực lượng KTSTQ, Thanh tra - kiểm tra, Điều tra chống buôn lậu, Kiểm định Hải quan thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để xử lý đối với các trường hợp có dấu hiệu gian lận về phân loại khi hàng hoá đã thông quan;

1.4. Về công tác miễn, giảm, hoàn, không thu thuế: Rà soát, chỉ đạo Cục Hải quan các tỉnh, thành phố kiểm tra các trường hợp miễn, giảm, hoàn, không thu thuế, không chịu thuế theo hướng dẫn tại tiết 4.5 điểm 4 mục I nêu trên; chỉ đạo các đơn vị đánh giá rủi ro, thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế sau khi hoàn thuế để kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp gian lận, trục lợi đối với hình thức hoàn trước, kiểm sau;

1.5. Về công tác quản lý nợ thuế: Tập trung rà soát, nắm chắc tình hình nợ thuế của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Cục Kiểm tra sau thông quan; chỉ đạo phân loại và xử lý các nhóm nợ theo hướng dẫn tại tiết 4.6 điểm 4 mục I nêu trên; thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị và đưa ra các giải pháp thu hồi nợ phù hợp với thực tế, tham mưu Lãnh đạo Tổng cục giao chỉ tiêu thu hồi nợ thuế có khả năng thu năm 2023 đối với từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố; đôn đốc, theo dõi từng tháng, quý tình hình thu hồi và xử lý nợ thuế; đôn đốc Cục Hải quan các tỉnh, thành phố tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đối với các trường hợp có khả năng xóa nợ theo quy định tại Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14 để thực hiện xóa nợ nhằm làm giảm số nợ thuế của toàn Ngành.

2. Cục Giám sát quản lý về Hải quan (GSQL):

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

2.1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý nhà nước về hải quan để thực hiện chuyển đổi Hải quan số, hướng tới hải quan thông minh, thực hiện cải cách, đơn giản hóa TTHC trong lĩnh vực giám sát quản lý theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch; góp phần vào việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

2.2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình thủ tục đối với hàng hóa XNK, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh theo đúng quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, phòng chống các hành vi gian lận thương mại và vi phạm pháp luật hải quan; rà soát các quy tắc xuất xứ hàng hóa tại các Hiệp định thương mại tự do để ban hành văn bản hướng dẫn Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện;

2.3. Triển khai có hiệu quả công tác giám sát hải quan theo hướng:

a. Thực hiện kiểm tra, rà soát yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện cập nhật các thông tin về cơ sở sản xuất (bao gồm cơ sở gia công lại), kết quả kiểm tra cơ sở sản xuất, kiểm tra báo cáo quyết toán, kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, kết quả thu thập thông tin của các doanh nghiệp thực hiện loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất lên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hàng hóa đối với loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài làm cơ sở dữ liệu tập trung để phân tích, đánh giá, xác định doanh nghiệp trọng điểm, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan để áp dụng biện pháp kiểm tra, xác minh làm rõ hành vi vi phạm hoặc chuyển lực lượng kiểm tra sau thông quan, kiểm soát hải quan điều tra, xác minh theo thẩm quyền (nếu có);

b. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đảm bảo hàng hóa vận chuyển đúng tuyến đường, cửa khẩu xuất; xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các tuyến vận chuyển trọng điểm, cụ thể đối với hàng hóa quá cảnh đường bộ, hàng hóa kinh doanh tạm nhập - tái xuất thực hiện tái xuất qua các cửa khẩu đường bộ biên giới đất liền phía bắc, hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường bộ, đặc biệt các lô hàng trị giá thấp;

c. Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh tại Cục Hải quan các tỉnh, thành phố nơi có dấu hiệu triển khai thực hiện thủ tục hải quan chưa đúng với các quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật;

d. Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc Cục Hải quan các tỉnh, thành phố tổ chức thu thập thông tin, lập hồ sơ từng đối tượng doanh nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hướng dẫn tại tiết 4.7 điểm 4 mục I nêu trên đồng thời thường xuyên rà soát, chấn chỉnh các đơn vị thực hiện không đúng quy định;

2.4. Triển khai có hiệu quả công tác giám sát hải quan: Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý, giám sát hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực giám sát hải quan tại khu vực cửa khẩu đường hàng không, đường bộ, kho, bãi; kiểm tra, rà soát điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan tại các kho, bãi, cảng thuộc cảng biển, cảng hàng không quốc tế, cảng cạn (ICD), ga đường sắt liên vận quốc tế khi có dấu hiệu vi phạm để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hải quan. Kịp thời đề xuất và phối hợp thực hiện công tác mua sắm, quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị kiểm tra giám sát hải quan, nâng cao hiệu quả trong công tác soi chiếu.

3. Cục Quản lý rủi ro (QLRR):

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

3.1. Tiếp tục hướng dẫn, thực hiện Chương trình khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hải quan hiệu quả, thực chất. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các nội dung về QLRR, quản lý tuân thủ như: sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện, áp dụng QLRR và Bộ chỉ số tiêu chí QLRR trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; ban hành và áp dụng có hiệu quả Danh mục hàng hóa rủi ro trong quản lý nhà nước về hải quan;

3.2. Xây dựng danh mục thông tin của Nghị định về kết nối, chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện vận tải theo cơ chế một cửa quốc gia;

3.3. Giám sát, kiểm tra, đánh giá việc áp dụng tiêu chí phân tích cấp Tổng cục, cấp Cục; tình hình phân luồng và thực hiện phân luồng quyết định kiểm tra đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại các Cục, Chi cục Hải quan tỉnh, thành phố kịp thời chấn chỉnh xử lý theo quy định. Thường xuyên theo dõi đánh giá hiệu

quả áp dụng tiêu chí phân luồng kiểm tra đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu rủi ro cao để sửa đổi, bổ sung kịp thời;

3.4. Tăng cường công tác thu thập, xử lý thông tin, xây dựng, quản lý hồ sơ địa bàn, phối hợp trao đổi thông tin với các đơn vị trong và ngoài ngành để phục vụ công tác phân tích, đánh giá rủi ro. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phân tích, xác định trọng điểm, lựa chọn kiểm tra hàng hóa bằng máy soi container theo quy định; đảm bảo hoạt động soi chiếu được thông suốt, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và đảm bảo quản lý hải quan.

4. Cục Kiểm định Hải quan (KĐHQ):

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chỉ thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

4.1. Xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động trạm kiểm định di động (mobilab) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng trạm kiểm định di động;

4.2. Chủ động rà soát Thông báo phân loại do đơn vị ban hành. Phối hợp cùng Cục Thuế XNK rà soát, thống nhất phân loại trong đơn vị;

4.3. Sửa đổi Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 06/9/2017 về Quy chế kiểm định, phân tích hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Quyết định số 2166/QĐ-TCHQ ngày 04/8/2021 về Quy trình phân tích để phân loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

4.4. Triển khai mở rộng các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp ISO 17025 phục vụ công tác phân tích phân loại, kiểm định, kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm. Xây dựng hệ thống 17065 để triển khai chứng nhận mặt hàng phân bón.

5. Cục Điều tra chống buôn lậu (ĐTCBL):

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chỉ thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

5.1. Tiếp tục phát huy tốt vai trò cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo 389 Quốc gia trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch, cảnh báo trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, công tác phòng chống ma túy, tội phạm;

5.2. Tiếp tục triển khai Kế hoạch tăng cường chống buôn lậu, gian lận thương mại điện tử qua biên giới (công văn số 3779/TCHQ-ĐTCBL ngày 13/9/2022 của Tổng cục Hải quan); Kế hoạch chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên các tuyến biên giới, vùng biển và địa bàn nội địa (công văn số 4512/TCHQ-ĐTCBL ngày 27/10/2022 của Tổng cục Hải quan); Kế hoạch

chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua cảng hàng không quốc tế (công văn số 5346/TCHQ-ĐTCBL ngày 9/12/2022 của Tổng cục Hải quan);

5.3. Triển khai quyết liệt, áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tại các tuyến, địa bàn, mặt hàng trọng điểm. Tăng cường công tác thu thập xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan để xác định dấu hiệu vi phạm, phương thức thủ đoạn gian lận trong hoạt động XNK; thu thập thông tin, lập hồ sơ cảnh báo, theo dõi, giám sát, kiểm soát chặt chẽ các doanh nghiệp trọng điểm có nguy cơ lợi dụng chính sách thông thoáng của pháp luật để hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại;

5.4. Tăng cường công tác trao đổi thông tin, phối hợp với các lực lượng chức năng trong và ngoài nước trong việc xây dựng các phương án, kế hoạch điều tra, xác minh, đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả các vi phạm trong lĩnh vực hải quan. Trong đó, xác định rõ vai trò chủ trì của cơ quan hải quan trong công tác phối hợp chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả xảy ra trong địa bàn hoạt động hải quan.

6. Cục Kiểm tra sau thông quan (KTSTQ):

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

6.1. Tập trung xây dựng kế hoạch KTSTQ định hướng theo 04 lĩnh vực lớn: mã số, trị giá, chính sách thương mại bao gồm hàng miễn thuế và 17 Hiệp định thương mại tự do, hàng gia công, sản xuất xuất khẩu và chế xuất. Tập trung xác định các yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, chú trọng các vấn đề rủi ro tiềm ẩn gắn với từng giai đoạn, chủ động nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề để triển khai thành các kế hoạch định hướng lớn mang tính dài hạn, chỉ đạo các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện nhằm đảm bảo công tác KTSTQ được tập trung, thống nhất, hiệu quả trên toàn quốc;

6.2. Tiếp tục thực hiện nghiêm Chi thị số 7180/CT-TCHQ ngày 19/11/2019 về việc chấn chỉnh và tăng cường công tác KTSTQ trong toàn quốc. Đẩy mạnh cải cách và nâng cao chất lượng các hoạt động nghiệp vụ KTSTQ, không phát sinh khiếu nại, khiếu kiện. Hoàn thiện và trình Tổng cục ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 575/QĐ-TCHQ ngày 21/03/2019 về việc ban hành Quy trình KTSTQ theo hướng cải cách, sơ đồ hóa, lượng hóa và chỉ rõ mục đích của từng bước nhằm đáp ứng được yêu cầu về công tác KTSTQ trong giai đoạn mới;

6.3. Tăng cường công tác chỉ đạo, định hướng hoạt động KTSTQ đối với Cục Hải quan các tỉnh, thành phố; rà soát thu thập thông tin để lập các chuyên đề KTSTQ theo dấu hiệu vi phạm. Đôn đốc, chỉ đạo các Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổ chức KTSTQ đối với các mặt hàng trọng điểm và các chuyên đề do

TCHQ chỉ đạo; Tổ chức tập huấn, trao đổi nghiệp vụ KTSTQ toàn quốc, đổi mới với doanh nghiệp ưu tiên. Triển khai có hiệu quả công tác đào tạo, tự đào tạo về nghiệp vụ KTSTQ, nghiệp vụ xác minh, điều tra, khởi tố hình sự và các lĩnh vực liên quan, hướng đến mục tiêu xây dựng lực lượng KTSTQ kỷ cương, văn minh, chuyên nghiệp.

7. Vụ Thanh tra - Kiểm tra:

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

7.1. Triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ năm 2023 theo phê duyệt của Bộ Tài chính. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ thông qua hình thức kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất theo dấu hiệu vi phạm, kiểm tra trực tuyến thông qua các hệ thống thông tin nghiệp vụ của ngành Hải quan và hệ thống camera giám sát công vụ để kịp thời phát hiện những sai phạm của doanh nghiệp, hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức;

7.2. Theo dõi, đôn đốc, thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm toán, Ủy ban kiểm tra Trung ương; Thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng năm 2023 của ngành Hải quan.

8. Văn phòng Tổng cục:

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

8.1. Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các đơn vị duy trì nghiêm công tác trực ban, giám sát trực tuyến ở các cấp; duy trì hoạt động thông suốt của Hệ thống Quản lý Trực ban; chỉ đạo kiểm tra, giám sát trực tuyến đối với các lô hàng có nghi vấn;

8.2. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế Trực ban trong ngành Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 2189/QĐ-TCHQ cho phù hợp với tình hình thực tế và theo yêu cầu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 4172/KH-TCHQ ngày 25/8/2021;

8.3. Nâng cấp Hệ thống Quản lý Trực ban đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý; Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác Trực ban trong ngành Hải quan sau khi sửa đổi, bổ sung Quy chế.

9. Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan (CNTT&TKHQ):

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

9.1. Tiếp tục hoàn thiện, khẩn trương trình Chính phủ ban hành Nghị định về kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện vận tải theo Cơ chế một cửa quốc gia và Đề án tổng thể về xây dựng và phát triển hệ thống CNTT phục vụ triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN;

9.2. Xây dựng Kế hoạch hành động triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, thúc đẩy công nghiệp logistics và tạo thuận lợi thương mại gửi Cơ quan thường trực đề tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, thúc đẩy công nghiệp logistics và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2023-2026;

9.3. Xây dựng hệ thống CNTT phục vụ triển khai Nghị định quy định cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục KTCL và KTATTP đối với hàng hóa nhập khẩu với các chức năng hệ thống cơ bản đáp ứng các yêu cầu của Nghị định khi được Chính phủ phê duyệt ban hành và có hiệu lực. Thống nhất giải pháp kỹ thuật với Văn phòng Chính phủ, kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tiếp tục đảm bảo các công tác: quản lý, vận hành hệ thống CNTT tiếp tục hoạt động ổn định, an ninh, an toàn, hỗ trợ kịp thời và đặc lực cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan; công tác đảm bảo hạ tầng; công tác quản lý an ninh, thông tin;

9.4. Là đầu mối điều phối đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về hải quan, trong đó tập trung triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của ngành Hải quan đến năm 2025 theo Quyết định số 707/QĐ-TCHQ ngày 04/05/2022 của Tổng cục Hải quan;

9.5. Cung cấp số liệu về kim ngạch XNK vào ngày liền kề sau ngày cuối cùng của tháng trước cho Cục Thuế xuất nhập khẩu, Văn phòng Tổng cục đề tổng hợp và báo cáo Lãnh đạo Tổng cục.

10. Vụ Pháp chế:

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

10.1. Triển khai, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 của Bộ Tài chính; tổng kết thi hành Luật Hải quan năm 2014. Nâng cao trách nhiệm trong góp ý, cấp ý kiến pháp lý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực hải quan;

10.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về hải quan năm 2023;

10.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức hải quan; tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế; giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận các chính sách pháp luật mới, các thông tin chính thống, đúng đắn, khách quan, đa chiều về ngành Hải quan.

11. Cục Tài vụ - Quản trị:

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung đã nêu tại mục I Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

11.1. Bám sát kế hoạch giao dự toán, đôn đốc các đơn vị nâng cao tỷ lệ và chất lượng công tác giải ngân đảm bảo theo chỉ đạo; Phối hợp xây dựng điều chỉnh dự toán năm 2023 và xây dựng dự toán năm 2024; Xây dựng kế hoạch ngân sách 03 năm 2024 -2026. Bám sát kế hoạch giao dự toán, yêu cầu các đơn vị cam kết giải ngân và cùng các đơn vị tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện, đồng thời tập trung chỉ đạo quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ triển khai tại các đơn vị có số dự toán lớn, đôn đốc các đơn vị nâng cao tỷ lệ và chất lượng công tác giải ngân;

11.2. Tăng cường kiểm tra việc sử dụng các trang thiết bị kiểm tra, giám sát hải quan và các tài sản công khác của các đơn vị; xem xét xử lý trách nhiệm đối với các đơn vị, cá nhân trong việc không triển khai, chậm triển khai hoặc triển khai không đúng theo quy định, có dấu hiệu buông lỏng quản lý hải quan.

12. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

Các đơn vị triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chung nêu tại mục I Chi thị này theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

12.1. Nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp tăng thu, chống thất thu NSNN phù hợp với đặc điểm, tình hình tại đơn vị; chủ động đánh giá tác động của các cam kết hội nhập quốc tế đến thu NSNN tại đơn vị mình; cần nắm chắc nguồn thu, bám sát tình hình triển khai các dự án, hoạt động xuất nhập của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn quản lý để kịp thời có báo cáo, phản ánh phục vụ công tác điều hành NSNN;

12.2. Về công tác quản lý nợ thuế: Rà soát, phân loại và xử lý các nhóm nợ theo hướng dẫn tại tiết 4.6 điểm 4 mục I nêu trên, theo đó:

a. Đối với nhóm nợ khó thu: Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền xóa nợ theo quy định tại Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14 để thực hiện khoan, xóa nợ

nhằm làm giảm số nợ thuế. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện thì tiếp tục thực hiện các biện pháp cưỡng chế để đôn đốc thu hồi nợ thuế theo quy định;

b. Đối với nhóm nợ chờ xử lý: Thực hiện rà soát, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thực hiện miễn/giảm theo quy định;

c. Đối với nhóm nợ được khoan: Rà soát, hoàn thiện để ban hành Quyết định khoan nợ theo quy định;

d. Đối với nhóm nợ có khả năng thu, nợ phạt vi phạm hành chính: Thực hiện nghiêm các biện pháp đôn đốc thu hồi và xử lý nợ; đối với các khoản nợ đã có Quyết định giải quyết khiếu nại hoặc phán quyết của Tòa án thì triển khai thực hiện các bước xử lý nợ theo Quyết định giải quyết khiếu nại hoặc phán quyết của Tòa án; đối với các quyết định ấn định thuế phát sinh trong năm 2023 thì khẩn trương đôn đốc thu hồi nợ, đảm bảo số nợ đến 31/12/2023 phải thấp hơn 31/12/2022.

(Định kỳ hàng tháng gửi báo cáo các nội dung đánh giá thu NSNN năm 2023 (tiết 12.1 điểm này); tình hình thu hồi và xử lý nợ thuế theo đúng mẫu và thời gian quy định tại Công văn số 4616/TCHQ-TXNK ngày 09/7/2020).

12.3. Về công tác quản lý trị giá hải quan: Thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn tại tiết 4.2 điểm 4 mục I Chỉ thị này, theo đó:

a. Tổ chức công tác kiểm tra, xác định dấu hiệu nghi vấn, thực hiện tham vấn (trong thông quan) hoặc kiểm tra sau thông quan đối với các trường hợp nghi vấn trị giá khai báo so với cơ sở dữ liệu về trị giá;

b. Thực hiện bác bỏ trị giá khai báo, xác định trị giá phù hợp với cơ sở dữ liệu về trị giá và các thông tin thu thập tại thời điểm xác định trị giá. Nghiêm cấm tình trạng xác định trị giá thấp hơn cơ sở dữ liệu hoặc thông tin thu thập được tại thời điểm xác định trị giá (khi sử dụng giá đã được chấp nhận trên Hệ thống GTT02 cần đánh giá việc chấp nhận đó có phù hợp với các thông tin của hàng hóa cần xác định giá không);

c. Thường xuyên rà soát, bố trí, sắp xếp các cán bộ công chức có nhiều kinh nghiệm, kỹ năng thực tế về trị giá thực hiện công tác tham mưu tại những địa bàn trọng điểm có nguy cơ gian lận thương mại, có lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan; Tiếp tục xây dựng và cập nhật cẩm nang hướng dẫn về kiểm tra, xác định trị giá hải quan, cập nhật hệ thống dữ liệu về trị giá hải quan;

d. Kịp thời báo cáo, đề xuất sửa đổi các mức giá tham chiếu không còn phù hợp và đề xuất bổ sung các mặt hàng mới phát sinh vào Danh mục quản lý rủi ro về trị giá hải quan; Cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin kết quả kiểm tra trị giá hải quan vào Hệ thống cơ sở dữ liệu giá GTT02;

e. Thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá những rủi ro về công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan trong toàn đơn vị, kịp thời phát hiện các sai sót để chấn chỉnh và xử lý đối với cán bộ, công chức, Lãnh đạo và bộ phận có liên quan thực hiện không đúng quy định;

f. Đơn đốc Tổ chuyên trách đã thành lập theo chỉ đạo tại công văn số 4214/TCHQ-TXNK ngày 27/8/2021 của Tổng cục Hải quan, hàng ngày tổ chức rà soát việc kiểm tra, tham vấn, xác định giá, cập nhật dữ liệu của các Chi cục Hải quan trực thuộc để kịp thời phát hiện các tồn tại và có các biện pháp chấn chỉnh theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ ngày 15/6/2018.

12.4. Về công tác phân loại và áp dụng mức thuế: Thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn tại tiết 4.3 điểm 4 mục I Chỉ thị này, theo đó:

a. Thực hiện rà soát, kiểm tra mã số, tên hàng, mức thuế suất tại khâu thông quan hoặc khâu sau thông quan để kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp cố tình gian lận, khai sai mã số, khai sai tên mặt hàng, khai tên hàng không rõ ràng, đầy đủ để được hưởng mức thuế suất thấp hơn hoặc được hưởng các mức thuế ưu đãi đặc biệt trong đó tập trung kiểm tra những mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế;

b. Thực hiện đánh giá thông tin rủi ro trong việc khai sai mô tả hàng hóa, khai sai mục đích sử dụng, khai sai mã số hàng hóa, khai sai số lượng, trọng lượng, chủng loại hàng hóa để được áp dụng mức thuế suất thấp, mức thuế ưu đãi đặc biệt đối với các lô hàng thuộc luồng xanh đã được thông quan hàng hóa, thực hiện kiểm tra sau thông quan trong phạm vi 60 ngày kể từ ngày thông quan hàng hóa nhằm ngăn chặn tình trạng lợi dụng hàng thuộc luồng xanh để khai báo mã số, mức thuế không đúng quy định, thu đủ thuế và xử lý vi phạm;

c. Kịp thời báo cáo, đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục các mặt hàng rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế không còn phù hợp; Cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin kết quả kiểm tra phân loại hàng hoá và áp dụng mức thuế vào Hệ thống cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hoá;

d. Thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá những rủi ro về công tác phân loại và áp dụng mức thuế trong toàn đơn vị, kịp thời phát hiện các

sai sót để chấn chỉnh và xử lý đối với cán bộ, công chức, Lãnh đạo và bộ phận có liên quan thực hiện không đúng quy định.

12.5. Về công tác miễn, giảm, hoàn, không thu thuế: Thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn tại tiết 4.5 điểm 4 mục I Chi thị này, theo đó:

a. Rà soát, kiểm tra các trường hợp miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, không chịu thuế theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016, Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021...trong đó chú ý các trường hợp miễn thuế như: miễn thuế hàng gia công; hàng sản xuất-xuất khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ, hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế; hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của các dự án ưu đãi đầu tư. Rà soát, kiểm tra các trường hợp đã áp dụng mức thuế 0% theo Điều 7a, 7b Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021;

b. Đối với trường hợp miễn thuế theo Danh mục miễn thuế, các Chi cục Hải quan phải thực hiện đối chiếu hồ sơ nhập khẩu, hàng hóa thực tế nhập khẩu với danh mục miễn thuế mà cơ quan hải quan đã tiếp nhận để thực hiện miễn thuế đúng quy định. Sau khi hàng hóa được thông quan, phải thực hiện kiểm tra việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu theo quy định;

c. Thực hiện thu hồi số tiền miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế không đúng đối tượng, phạm vi, không đủ điều kiện, hồ sơ, thủ tục đồng thời xử lý trách nhiệm đối với cán bộ công chức có liên quan thực hiện không đúng quy định khi rà soát, kiểm tra các trường hợp miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế tại tiết a và b nêu trên.

12.6. Thực hiện công tác giám sát hàng hóa gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa kinh doanh tạm nhập - tái xuất, hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, phương tiện vận tải...theo hướng dẫn tại tiết 4.7 điểm 4 mục I Chi thị này, trong đó tập trung vào một số nội dung:

a. Thực hiện đúng các khâu thủ tục hải quan từ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa; kiểm tra dữ liệu về cơ sở sản xuất, địa điểm lưu giữ hàng hóa, năng lực sản xuất của doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài để áp dụng chính sách miễn thuế, không chịu thuế theo đúng quy định của pháp luật về thuế; thực hiện kiểm tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của đối tượng có nguy cơ rủi ro cao về gian lận thương mại, trốn thuế để áp dụng biện pháp kiểm

tra, giám sát, kiểm soát phù hợp; thực hiện cập nhật thông tin vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo hướng dẫn tại tiết a điểm 2.3 mục II Chi thị này;

b. Thu thập thông tin về cơ sở sản xuất, địa điểm lưu giữ hàng hóa, năng lực sản xuất của các doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài thuộc địa bàn quản lý để đánh giá rủi ro, xác định doanh nghiệp, mặt hàng thuộc đối tượng trọng điểm xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra phù hợp;

c. Đẩy mạnh công tác phối hợp trong việc giám sát hàng hóa giữa hải quan nơi đi và hải quan nơi đến đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan, ngăn chặn tình trạng rút ruột, tráo hàng trong quá trình vận chuyển;

d. Tập trung phân tích các đối tượng thường xuyên nhận hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh khai báo hàng hóa có trị giá thấp để có biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng chia nhỏ vận đơn để hưởng ưu đãi về chính sách thuế, chính sách mặt hàng;

e. Tăng cường công tác quản lý giám sát hoạt động vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan; ưu tiên sử dụng seal định vị điện tử để giám sát các lô hàng trọng điểm, lô hàng có rủi ro cao;

f. Định kỳ kiểm tra nội bộ đối với cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ giám sát hàng hóa; hướng dẫn, yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm phải cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin hàng hóa đưa vào, đưa ra khu vực giám sát hải quan theo đúng quy định pháp luật hải quan; định kỳ rà soát, đối chiếu thông tin do doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm cập nhật trên hệ thống giám sát hải quan tự động nhằm kiểm soát, nắm bắt đầy đủ, chính xác thông tin thực tế hàng hóa đưa vào, đưa ra khu vực giám sát hải quan.

12.7. Thực hiện công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ theo hướng dẫn tại tiết 4.8, 4.9 điểm 4 mục I Chi thị này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chi thị này được quán triệt tới tất cả cán bộ, công chức hải quan; Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan có trách nhiệm lập kế hoạch, quán triệt, tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ nêu tại Chi thị này.

2. Cán bộ, công chức hải quan có tinh thần, thái độ làm việc tích cực, có kết quả, thành tích nổi bật trong thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Chi thị này thì đề xuất khen thưởng kịp thời theo quy định. Định kỳ theo dõi, đánh giá kết quả

thực hiện để phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức làm việc qua loa, chiếu lệ, thiếu trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Chi thị này hoặc có sai phạm trong công tác nghiệp vụ.

3. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện triển khai đồng bộ, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ nêu tại mục I, mục II Chi thị này và định kỳ gửi báo cáo trước ngày 12 hàng tháng về Tổng cục Hải quan (đầu mỗi Cục Thuế xuất nhập khẩu).

4. Các đơn vị thuộc Tổng cục căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao hàng tháng khai thác báo cáo của các đơn vị tại thư mục chung trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tập trung của Tổng cục Hải quan, để đánh giá kết quả thực hiện Chi thị thuộc lĩnh vực phụ trách và chuyển Cục Thuế xuất nhập khẩu trước ngày 20 hàng tháng.

5. Cục Thuế xuất nhập khẩu hàng tháng trên cơ sở báo cáo đánh giá của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị thuộc Tổng cục, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Tổng cục công tác thu NSNN.

Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai các nội dung tại Chi thị này. /.

Nơi nhận: *HT*

- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để b/c);
- Lãnh đạo TCHQ (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc TCHQ (để t/h);
- Website Hải quan;
- Lưu: VT, TXNK(03b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Cẩn